

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẠI ĐÀ NẴNG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 04/2024/KDTM-GĐT

Ngày 14-8-2024

V/v: *Tranh chấp hợp đồng thi công công trình xây dựng*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tấn Long

Các Thẩm phán: ông Nguyễn Cường và ông Trần Quốc Cường.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thúy Kiều - Thẩm tra viên Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
ông Đinh Văn Chánh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử theo thủ tục giám đốc thẩm vụ án kinh doanh thương mại “*Tranh chấp hợp đồng thi công công trình xây dựng*”, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Công ty Cổ phần V1; địa chỉ: Số H P, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Văn T, chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: ông Trần Võ Như Ý và bà Lê Thị Thanh T1, chức vụ: Cán bộ pháp chế theo Giấy ủy quyền số: 438 GUQ/VC25-PC ngày 12/9/2022.

2- Bị đơn: Công ty Cổ phần Đ (nay là Công ty Cổ phần R); địa chỉ: Số E đường V, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện theo pháp luật: ông Trần Ngọc T2, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người được ủy quyền: bà Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm: 1991 theo Giấy ủy quyền số: 59/2022/GUQ/ĐXMT ngày 01/12/2022.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Quá trình tham gia tố tụng, các đương sự trình bày nội dung:

- *Người đại diện của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 02/05/2018 giữa Công ty C (sau đây viết tắt là Công ty V1) và Công ty C1 (sau đây viết tắt là Công ty R) ký kết Hợp đồng thi công xây dựng số 30/2018/HĐXL/DXMT-VC25. Theo đó, Công ty R là bên giao thầu, Công ty V1 là bên nhận thầu. Ngoài ra, hai bên còn ký kết 05 phụ lục hợp đồng, gồm: Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 05/07/2018, Phụ lục số 02 ngày 20/09/2018, Phụ lục số 03 ngày 04/01/2019, Phụ lục số 04 ngày 30/12/2019 và Phụ lục số 05 ngày 29/04/2020, bổ

sung nội dung công việc, giá trị Hợp đồng. Theo đó, Công ty V1 có trách nhiệm thi công phần thô của 33 căn hộ liền kề cho Gói thầu: thi công xây dựng phần thô (70 căn Shophouse liền kề), thuộc Dự án: Lakeside Palace tại đường số 5, KCN H, quận L, thành phố Đà Nẵng, với tổng giá trị hợp đồng là 32.204.725.000 đồng.

Ngày khởi công là 02/05/2018; ngày hoàn thành 150 ngày (*tính từ ngày 2/5/2018 đến ngày 29/9/2018*). Thời hạn bảo hành công trình (*Điều 5 Phụ lục A của Hợp đồng*) là 24 tháng, tính từ ngày 04/11/2019 đến ngày 04/11/2021. Như vậy, tính từ ngày 5/11/2021 Công ty V1 hết nghĩa vụ bảo hành công trình.

Về thực hiện Hợp đồng, Công ty V2 đã hoàn thành các nghĩa vụ của Nhà thầu theo đúng quy định tại Hợp đồng, cụ thể: đã hoàn thành toàn bộ các công việc của Hợp đồng kể cả các công tác sửa chữa lỗi/khiếm khuyết (*không ảnh hưởng đến vận hành của công trình*) và các công việc bổ sung với tổng giá trị quyết toán là 32.204.725.000 đồng.

Tuy nhiên, Công ty R mới thực hiện thanh toán cho Công ty V1 số tiền 22.388.931.680 đồng, còn nợ lại số tiền là 9.815.793.320 đồng, trong đó: có 8.205.557.070đ (là giá trị phải thanh toán theo tổng giá trị quyết toán theo Hợp đồng theo 02 Hồ sơ quyết toán lần 1 và Hồ sơ quyết toán lần 2) và 1.610.236.250đ là giá trị 5% trên tổng giá trị Hợp đồng giữ lại để thực hiện nghĩa vụ bảo hành.

- *Về phạt chậm thống nhất hồ sơ quyết toán*: Theo quy định tại Mục 4 phụ lục G của Hợp đồng, Công ty V1 đã đệ trình hồ sơ quyết toán, công trình cũng được xác định đủ điều kiện nghiệm thu và bàn giao đưa vào sử dụng theo Văn bản của Sở Xây dựng, Công ty R phải chịu mức phạt 50.000.000 đồng/ngày chậm thống nhất hồ sơ quyết toán tính từ ngày **05/11/2019** (hoàn thành toàn bộ Công trình xác định tại Văn bản của Sở X) tạm tính đến ngày mở phiên tòa sơ thẩm 26/5/2023 là 1.299 ngày, tức tương ứng với số tiền 63.950.000.000 đồng. Tuy nhiên, căn cứ vào Điều 301 Luật Thương mại năm 2005 thì “*mức phạt đối với vi phạm nghĩa vụ hợp đồng hoặc tổng mức phạt đối với nhiều vi phạm do các bên thoả thuận trong hợp đồng, nhưng không quá 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm*”. Do đó, tại phiên tòa, Công ty V1 chỉ yêu cầu Công ty R phải chịu mức phạt tối đa theo Điều 301 Luật Thương mại năm 2005, vì đã chậm giải quyết hồ sơ quyết toán với số tiền tương ứng với 8% giá trị Hợp đồng bị vi phạm, tức $(9.815.793.320 \text{ đồng} \times 8\%) = 785.263.440 \text{ đồng}$.

- *Về tiền lãi chậm thanh toán*:

Công ty V1 đề nghị áp dụng mức lãi suất chậm thanh toán là 7,5%/năm (0,625%/tháng) và thời gian chậm thanh toán tính từ thời điểm công trình hoàn thành (theo xác định tại Công văn 8739/SXD-CCGD của Sở Xây dựng thành phố X) đối với những khoản chậm thanh toán tính đến ngày 26/5/2023. Cụ thể tổng tiền lãi do chậm thanh toán đến ngày 26/5/2023 mà Công ty R phải trả cho Công ty V1 là 2.374.753.986 đồng.

Nguyên đơn Công ty V1 đề nghị Tòa xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện, buộc bị đơn Công ty R thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền: 12.975.810.426 đồng. Trong đó: khoản nợ chưa thanh toán: 9.815.793.000 đồng; phạt chậm thống nhất hồ sơ quyết toán: 785.263.440 đồng; lãi chậm thanh toán: 2.374.753.986 đồng.

Đồng thời đề nghị Tòa án buộc bị đơn hoàn thành nghĩa vụ còn lại của bên giao thầu theo quy định tại Hợp đồng bao gồm ký kết Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình và quyết toán Hợp đồng.

- *Người đại diện của bị đơn trình bày:*

+ Đối với khoản nợ chưa thanh toán 9.815.793.320 đồng:

Các khoản Công ty R chưa thanh toán là các khoản Công ty R giữ lại theo quy định của hợp đồng và khấu trừ tiền phạt nên không đủ điều kiện gọi là “*khoản nợ chưa thanh toán*”; ngoài ra, Công ty V1 chưa hoàn thành các công việc của hợp đồng và công trình chưa đảm bảo chất lượng để nghiệm thu thanh toán theo quy định nên chưa phát sinh nghĩa vụ thanh toán của Công ty R; Công ty V1 vi phạm tiến độ bàn giao công trình và phải được khấu trừ vào khoản tiền còn phải thanh toán (nếu có) của hợp đồng.

+ Đối với phạt chậm thống nhất hồ sơ quyết toán số tiền 3.864.567.000 đồng:

Do Công ty V1 chưa hoàn thành công việc của hợp đồng công trình chưa đảm bảo chất lượng để nghiệm thu thanh toán theo quy định; hồ sơ quyết toán, thanh lý của Công ty V1 chưa đầy đủ theo hợp đồng; Công ty R chưa nhận được hồ sơ quyết toán hợp lệ dưới dạng bản gốc.

+ Đối với nghĩa vụ bảo hành công trình của Công ty V1: Công ty V1 đang từ chối nghĩa vụ bảo hành, tuy nhiên về mặt thực tế Công ty V1 chưa từng thực hiện nghĩa vụ này.

Vì vậy, bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2] Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 06/2023/KDTM-ST, ngày 26/5/2023 Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng quyết định:

Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần V1 đối với bị đơn Công ty Cổ phần R về yêu cầu trả tiền thi công công trình xây dựng và yêu cầu trả tiền lãi, tiền phạt chậm thanh toán.

Xử: Buộc Công ty Cổ phần R phải trả cho Công ty Cổ phần V1 số tiền là: 12.975.819.426 đồng. Trong đó, số tiền gốc là: 9.815.793.320 đồng, số tiền lãi là: 2.374.753.986 đồng, tiền chậm quyết toán là: 785.263.440 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về phần án phí, thông báo quyền kháng cáo của các bên đương sự.

- Ngày 05 tháng 6 năm 2023, Công ty R kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

[3] Tại Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 25a/2023/KDTM-PT ngày 23/9/2023, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng quyết định:

Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 06/2023/KDTM-ST ngày 26/5/2023 của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí.

[4] Ngày 07/3/2024, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng nhận được đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm của Công ty R đối với Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm nêu trên.

[5] Tại Quyết định số 62/QĐ-CV2-KDTM ngày 11/7/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị giám đốc thẩm đối với Bản án

kinh doanh thương mại phúc thẩm nêu trên; đề nghị Ủy ban thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm theo hướng huỷ toàn bộ Bản án sơ thẩm và phúc thẩm nêu trên, giao hồ sơ vụ án về cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

[6] Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận kháng nghị giám đốc thẩm của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đối với việc thực hiện hợp đồng:

Theo Hợp đồng thi công xây dựng số 30/2018/HĐXL/DXMT-VC25 ngày 02-05-2018 và 05 phụ lục kèm theo, giữa Công ty V1 và Công ty Đ (R), thì Đất Xanh Miền Trung giao cho Công ty V1 thi công xây dựng **phần thô** của 33 căn nhà, nằm trong số 70 căn của Gói thầu: “*thi công xây dựng phần thô (70 căn Shophouse liền kề), thuộc Dự án: Lakeside Palace tại đường số E, KCN H, quận L, thành phố Đà Nẵng*” mà Đất Xanh M đã nhận Hợp đồng thi công với Chủ đầu tư là Công ty Cổ phần Đ1.

Tại Biên bản số: 01/201/NTBG-22 LAKESIDE ngày **30-7-2019** về việc nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình để đưa vào sử dụng, đối với 70 căn nhà của Gói thầu do Chủ đầu tư Dự án là Công ty Cổ phần Đ1 và Đất Xanh M (R) là đơn vị tổng thầu thi công (*Vinaconex là nhà thầu phụ thi công phần thô 33 căn trong 70 căn của Gói thầu*), thì Chủ đầu tư Dự án và đơn vị tổng thầu đã nghiệm thu công trình để đưa vào sử dụng, trong đó xác định rõ: Về tiến độ xây dựng hạng mục công trình: “*Ngày xây dựng 01/8/2018; Ngày hoàn thành là 30/6/2019*”; về chất lượng hạng mục công trình xây dựng: “*chất lượng hạng mục công trình đạt yêu cầu về kỹ thuật, mỹ thuật theo thiết kế. Đáp ứng được các tiêu chuẩn xây dựng và các chỉ dẫn kỹ thuật. Những sửa đổi trong quá trình thi công so với thiết kế được duyệt*”. Từ đó kết luận: “*Chấp nhận nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình xây dựng để bàn giao đưa vào sử dụng từ ngày 30/7/2019*” (bút lục 854).

Ngày 04-11-2019, Sở Xây dựng thành phố X ban hành Văn bản số: 8739/SXD-CCGD về việc thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công 65 căn nhà (Shop house) thuộc Dự án Khu đô thị Bàu Tràm L, kết luận: Hiện trạng chất lượng của hạng mục công trình: *đã thi công hoàn thiện phần thô, đã thi công xong phần hoàn thiện mặt tiền ngoài nhà và công tác xây, tô trát phần trong nhà, ... Về cơ bản, phần thô và phần hạng mục công trình đã được thi công hoàn thành đảm bảo chất lượng, yêu cầu kỹ thuật theo hồ sơ thiết kế đã được phê duyệt* (bút lục 851-852).

Như vậy, ngày 30-7-2019 Chủ đầu tư của Dự án là Công ty Cổ phần Đ1 và đơn vị tổng thầu thi công là Đất Xanh M (R) đã cùng xác nhận: chất lượng hạng mục công trình đạt yêu cầu về kỹ thuật, mỹ thuật theo thiết kế và “*Chấp nhận nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình xây dựng để bàn giao đưa vào sử dụng từ ngày 30/7/2019*”; đồng thời, Công ty R đã sử dụng các hóa đơn của Công ty V1 để kê khai thuế và hồ sơ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2018 và 2019; thời

hạn bảo hành 24 tháng (tính từ ngày 05/11/2019 đến ngày 04/11/2021) đến nay cũng đã hết. Do đó, Công ty R cho rằng Công ty V1 chưa hoàn thành các công việc của Hợp đồng và công trình chưa đảm bảo chất lượng để nghiệm thu thanh toán theo quy định là không hợp lý.

Nội dung kháng nghị cho rằng Tòa án không thu thập Văn bản số 8739/SXD-CCGD ngày 04/11/2019 của Sở Xây dựng thành phố X; tuy nhiên, hồ sơ vụ án thể hiện đã có Văn bản này tại các bút lục 851-852; đồng thời tại Văn bản 8739 này đã kiểm tra 65 căn nhà chứ không phải chỉ kiểm tra 30 căn nhà như nội dung nhận định của kháng nghị. Mặt khác, tại Văn bản số 8739/SXD-CCGD ngày 04/11/2019 của Sở Xây dựng thành phố X cũng xác định “*đã thi công hoàn thiện phần thô... hiện đang tiếp tục thi công phần hoàn thiện trong nhà*”, trong khi đó, phần công việc của Công ty V1 theo hợp đồng chỉ là “*thi công phần thô*”. Như vậy, đối chiếu với Văn bản số 8739 nêu trên thì Công ty V1 đã hoàn thiện công việc của mình (*thi công phần thô*) theo hợp đồng. Tuy nhiên, nội dung kháng nghị nhận định Công ty V1 chưa hoàn thành “*toàn bộ*” công trình là không phù hợp theo chi tiết khối lượng thỏa thuận và đã được thực hiện của hợp đồng.

[2] Đối với số tiền phạt chậm thông nhất hồ sơ quyết toán:

Bị đơn cho rằng Công ty V1 chưa hoàn thành công việc và công trình chưa đảm bảo chất lượng; hồ sơ quyết toán chưa đầy đủ và Công ty R chưa nhận được hồ sơ quyết toán hợp lệ dưới dạng bản gốc nên chưa đủ điều kiện thanh toán. Xét thấy: Công việc do Công ty V1 đã được Chủ đầu tư “*Chấp nhận nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình xây dựng để bàn giao đưa vào sử dụng từ ngày 30/7/2019*”; đồng thời, Công ty V1 đã nộp Hồ sơ quyết toán nhưng Công ty R không xác nhận giá trị quyết toán, do đó quyết toán được xem là đã hợp lệ để chuyển sang nghĩa vụ thanh toán của Công ty R theo quy định tại Điều 6.4.1 của Hợp đồng. Do đó, Công ty R còn phải chịu phạt theo quy định tại Mục 4 Phụ lục G của Hợp đồng theo mức: Giá trị quyết toán gói thầu hơn 10 tỷ đến 100 tỷ thì phạt 50.000.000 đồng/ngày chậm thông nhất hồ sơ”. Công ty V1 đã trình Hồ sơ quyết toán hợp lệ từ ngày 01/8/2019. Công trình cũng được xác định đủ điều kiện nghiệm thu và bàn giao đưa vào sử dụng theo Văn bản số: 8739/SXD-CCGD ngày 04/11/2019 của Sở Xây dựng thành phố X. Do đó, Công ty R phải chịu phạt theo quy định tại Mục 4 Phụ lục G của Hợp đồng. Tuy nhiên, Công ty V1 chỉ yêu cầu mức phạt là 8% giá trị Hợp đồng bị vi phạm là 9.815.793.320 đồng, tính từ ngày 05/11/2019 đến ngày xét xử 26/5/2023 (1.299 ngày), tương ứng với số tiền là 785.263.440 đồng là phù hợp với Điều 301 Luật thương mại. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm chấp nhận yêu cầu của V là có căn cứ.

[3] Đối với số tiền lãi chậm thanh toán:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 43 Nghị định 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng, Điều 306 Luật Thương mại, Công ty R phải trả tiền lãi trên số tiền chậm trả cho Công ty V1, từ thời điểm chậm trả 05-11-2021 đến ngày xét xử sơ thẩm, theo mức lãi suất trung bình của 3 Ngân hàng là Ngân hàng N và Ngân hàng C2 tại thời điểm giải quyết vụ án là 11,4%/năm. Tuy nhiên, Công ty V1 chỉ yêu cầu mức lãi suất chậm thanh toán là 7,5%/năm (0,625%/tháng) đối với những khoản chậm thanh toán là có lợi cho phía Công ty R. Do đó, Tòa án cấp sơ

thẩm và phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tiền lãi chậm thanh toán là phù hợp.

Do các hạng mục công trình do Công ty V1 thi công được Chủ đầu tư và đơn vị tổng thầu thi công xác định là chất lượng công trình đạt yêu cầu về kỹ thuật, mỹ thuật theo thiết kế... Do đó, Tòa án hai cấp không trung cầu giám định đối với công trình nêu trên theo yêu cầu của bị đơn là có cơ sở.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 337, khoản 1 Điều 343, Điều 348, Điều 349 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1. Không chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 62/QĐ-VC2-KDTM ngày 11/7/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

2. Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 25a/2023/KDTM-PT ngày 23-9-2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, về việc “*Tranh chấp hợp đồng thi công công trình xây dựng*” giữa nguyên đơn Công ty Cổ phần V1 với bị đơn Công ty Cổ phần Đ (nay là Công ty Cổ phần R).

3. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- TANDTC - Vụ II;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- TAND quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Phòng GDKT II và Phòng LTHS.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đà ký)

Nguyễn Tấn Long

